

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 22 - 9 - 2021  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Nguyễn Trường Giang  
Bà Liêu Bích Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lin Chin Y, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 35 đường T, K012, thôn C, làng Đ, thành phố C, Đài Loan, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Lin Chin Y tự nguyện đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2005. Sau khi kết hôn, chị và anh Lin Chin Y chung sống với nhau khoảng 01 tuần tại tp. Hồ Chí Minh, sau đó anh Lin Chin Y về Đài Loan. Cuối tháng 12 năm 2005, anh Lin Chin Y làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan chung sống với nhau. Đến khoảng tháng 10 năm 2009, chị và anh Lin Chin Y phát sinh mâu thuẫn nên chị về Việt Nam sinh sống cho đến nay, từ khi chị về Việt Nam sinh sống đến nay giữa chị và anh Lin Chin Y không còn liên lạc với nhau, anh Lin Chin Y cũng không sang Việt Nam để thăm chị, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lin Chin Y.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh Lin Chin Y có 01 người con chung (là bé trai), nhưng chị không nhớ ngày tháng năm sinh và cũng không nhớ họ tên của con, do chị không biết tiếng Đài Loan, hiện tại con chung đang sống với anh Lin Chin Y tại Đài Loan, nay chị T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lin Chin Y, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Lin Chin Y, triệu tập anh Lin Chin Y tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 19/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được Văn bản số 1085/BC-UTTP ngày 06/5/2021 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp cho anh Lin Chin Y có nội dung: *“Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 31/3/2021 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự”*. Tuy nhiên, anh Lin Chin Y không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình theo yêu cầu ly hôn của chị T gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với anh Lin Chin Y. Về con chung chị T không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có, nên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu tranh luận của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Ngọc T là công dân Việt Nam, cư trú tại tỉnh Bạc Liêu khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lin Chin Y hiện đang cư trú tại Đài Loan. Căn

cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh Lin Chin Y đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Lin Chin Y không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa, nên căn cứ các Điều 474, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lin Chin Y.

[1.3] Chị Trần Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị Ngọc T là có căn cứ.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Lin Chin Y: Theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 14/12/2005, thì có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Lin Chin Y là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Trần Thị Ngọc T xác định, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau Từ năm 2009 đến nay, chị T và anh Lin Chin Y không còn liên lạc với nhau mà mỗi người ở một nơi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, theo đó thì giữa chị T và anh Lin Chin Y đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị T và anh Lin Chin Y không còn liên lạc với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với anh Lin Chin Y.

[2.3] Xét quan hệ con chung: Chị T xác định quá trình chung sống chị và anh Lin Chin Y có 01 người con chung nhưng chị không biết tên và không nhớ ngày tháng năm sinh của con, hiện nay con đang sinh sống với anh Lin Chin Y, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Ngọc T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T, con chung, tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp, chị Trần Thị Ngọc T phải chịu toàn bộ, theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều 227, 228, 469, 474, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với anh Lin Chin Y.

Xử cho chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1987 được ly hôn với anh Lin Chin Y, sinh năm 1974.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí, lệ phí và chi phí ủy thác tư pháp:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Trần Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0014947 ngày 09/11/2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3.2. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), chị T đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0014880 ngày 26/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đã chuyển thu lệ phí xong.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Thị Ngọc T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết; anh Lin Chin Y có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM (01b)
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b)
- UBND huyện V (01b)
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Đương sự (2b)
- Lưu HS, Tồ HCTP (2b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**